

Vai trò của người Hoa trong các cảng thị và thương mại nội địa vùng Thuận - Quảng thế kỷ XVII - XVIII

Nguyễn Thị Hải*

Nhận ngày 11 tháng 7 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 10 năm 2023.

Tóm tắt: Người Hoa là một trong những lực lượng quan trọng góp phần không nhỏ vào quá trình khai phá và phát triển vùng đất Đàng Trong. Trong đó, vai trò của người Hoa được thể hiện rõ nhất trong lĩnh vực thương nghiệp. Đa số những người Hoa di cư sang Đàng Trong thế kỷ XVII - XVIII là các thương nhân. Các chúa Nguyễn đã tận dụng thời cơ của thời kỳ hải thương đang phát triển mạnh và có những thay đổi trong các tuyến thương mại thế giới có lợi cho Đàng Trong. Thương nhân người Hoa hầu như độc chiếm thị trường Đàng Trong bởi tài khéo léo trong mua bán, khéo léo trong ngoại giao với chúa Nguyễn và họ là những người có số vốn lớn đủ để thao túng thị trường mới mẻ này. Lực lượng người Hoa ở vùng Thuận - Quảng không chỉ giúp cho quá trình hình thành các đô thị ở đây được diễn ra nhanh chóng mà còn giúp cho kinh tế Đàng Trong nói chung phát triển mạnh mẽ.

Từ khóa: Người Hoa, Đàng Trong, thương nghiệp, thế kỷ XVII - XVIII.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: Hoa (Chinese origin) people are one of the important forces who had significant role in the process of exploring and developing the land of Cochinchina. In particular, the role of the Hoa people is most clearly shown in the field of commerce. Most of them who immigrated to Cochinchina in the 17th - 18th centuries were traders. The Nguyễn Lords took advantage of age of commerce to change the international trade routes which was beneficial for Cochinchina. Hoa people traders monopolized the Cochinchina market base on their ingenuity in trading and negotiation skill with the Nguyễn Lords. They had big enough capital to manipulate this new market. The Hoa people in Thuận - Quảng not only helped to speed up the process of forming urban areas, but also helped the Cochinchina economy develop strongly in general.

Keywords: Hoa people, Cochinchina, commerce, 17th-18th centuries.

Subject classification: History

1. Đặt vấn đề

Thế kỷ XVII - XVIII được xem là thời đại thương nghiệp của Đại Việt nói chung và Đàng Trong nói riêng. Sự phát triển này đến từ bởi nhiều yếu tố tác động, đó là sự thay đổi các tuyến thương mại hàng hải thế giới, sự xáo trộn trong tình hình chính trị của các nước trong khu vực châu Á (trong đó có Đại Việt và Trung Quốc). Những thay đổi này đã đưa người Hoa đến Đàng Trong ngày càng đông đảo và họ đã góp phần không nhỏ cho sự hưng khởi của thương nghiệp Đàng Trong.

Dưới chính sách cởi mở và trọng dụng cư dân mới đến khai hoang, các chúa Nguyễn đã tận dụng được lực lượng người Hoa trong phát triển kinh tế Đàng Trong. Nhiều khu phố người Hoa ra đời ở các cảng thị vùng Thuận - Quảng như Hội An, Thanh Hà, Nước Mặn với hoạt động sôi nổi của các thương nhân, khiến các phố phường trở nên tấp nập. Các thương nhân người Hoa còn là

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: nguyenthaihvsh@gmail.com

lực lượng buôn bán sành sỏi trong các làng nghề, các vùng đầu nguồn, họ am hiểu và nắm vai trò chi phối các mặt hàng buôn bán ở Đàng Trong. Thương nhân người Hoa cũng là cầu nối giữa thương mại Đàng Trong với thương mại quốc tế thông qua các tuyến thương mại trên biển và các thuyền buôn Trung Quốc. Trong các bến tàu, người Hoa cũng nắm vai trò trong các Tàu vụ tỵ, được các chúa Nguyễn tin nhiệm giao cho nhiều trọng trách kiểm soát tại các bến tàu, cũng như điều phối hàng hóa,...

Với những vai trò và hoạt động sôi nổi như vậy nên việc nghiên cứu về người Hoa ở Đàng Trong đã có nhiều công trình được công bố, phản ánh được một số khía cạnh quan trọng chủ yếu về vấn đề định cư, chính sách xã hội của các triều đại Việt Nam dành cho người Hoa, trong đó đáng chú ý là chính sách của các chúa Nguyễn như luận án Tiến sĩ của Huỳnh Ngọc Đáng (Huỳnh Ngọc Đáng; 2005) hay về tổ chức của người Hoa ở Nam Trung Bộ của Nguyễn Văn Đăng (Nguyễn Văn Đăng, 2011). Một số vấn đề cơ bản của hoạt động kinh tế của người Hoa ở Đàng Trong thế kỷ XVII - XVIII như vai trò của các Hoa thương trong thương cảng Hội An, hay vai trò trung gian của người Hoa với các thuyền buôn Trung Quốc, Nhật Bản, phương Tây,... đã được đề cập đến trong các bài viết của Nguyễn Văn Bình (2010) trên Tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, của Châu Thị Hải (1990), trên Tạp chí *Kinh tế*. Nghiên cứu về vai trò của người Hoa trong các tuyến thương mại giữa Đàng Trong với các nước Trung Quốc và Nhật Bản từ năm 1635 đến năm 1771 đáng chú ý là bài viết của Tường Quốc Học và Dương Văn Huy (2008) đăng trên Tạp chí *Đông Nam Á*. Về vai trò người Hoa ở các phố cảng vùng Thuận - Quảng có công trình của Đỗ Bang (1996).

Trong số các học giả nước ngoài nghiên cứu về người Hoa ở Đàng Trong thì Trần Kinh Hòa (Chen Chingho) là người có nhiều tâm huyết về cộng đồng người Minh Hương ở Hội An. Loạt bài viết đăng trên *Việt Nam Khảo cổ tập san* năm 1960, 1962 là những khảo cứu hết sức sâu sắc về quá trình hình thành và hoạt động của người Hoa ở Hội An (Chen Chingho, 1960, 1962); bài viết “Phố người Đường và thương nghiệp ở Hội An thế kỷ XVII - XVIII” đăng trên *Học báo Tân Á* cũng phản ánh khá rõ nét về hoạt động của Hoa thương tại Hội An (Chen Chingho, 1969).

Trong khi đó, những đóng góp của người Hoa trong hoạt động nội thương hay tại các bến cảng vùng Thuận - Quảng trong hai thế kỷ XVII - XVIII lại chưa được đề cập đến trong một công trình nghiên cứu riêng và chi tiết. Trên cơ sở những công trình nghiên cứu trước, cùng với việc sử dụng các tư liệu lịch sử và các phương pháp nghiên cứu liên ngành, kết hợp điều tra thực địa. Bài viết dưới đây sẽ làm rõ hơn vấn đề này.

2. Vai trò của người Hoa tại các cảng thị

Trước hết, người Hoa góp phần không nhỏ trong việc phát triển các phố cảng ở Đàng Trong thành các thương cảng sầm uất, với những khu phố buôn bán tấp nập. Chẳng hạn như ở Hội An, ngay từ khi chúa Nguyễn Hoàng vào vùng đất Thuận - Quảng đã nhận thấy đây là hải cảng rất thuận lợi cho việc buôn bán. Để xây dựng nơi đây thành trung tâm trung chuyển hàng hóa, chúa Nguyễn Hoàng và các chúa Nguyễn sau này đã cho phép người Hoa, người Nhật cũng như các thương nhân người Việt được phép lập phố buôn bán và cư trú lâu dài, nhờ đó mà Hội An dần trở nên sầm uất với hai khu phố chính là Phố Nhật và phố Khách. Đến cuối thế kỷ XVII, khi các thương nhân Nhật Bản dần rút về nước thì Hội An trở thành phố buôn bán chính của người Hoa. Năm 1695, Bowyear đã mô tả “Faifo nằm cách cửa sông khoảng ba dặm. Đây là một con đường phố, dọc theo sông, có hai dãy nhà, khoảng chừng 100 ngôi nhà, của người Trung Hoa” (Thomas Bowyear, 2001:250). Điều này cũng được hòa thượng Thích Đại Sán mô tả “Thăng bờ sông một con đường dài 3-4 dặm, gọi là Đại Đường Nhại. Hai bên phố ở liều khít rịt. Chủ phố thầy là người Phúc Kiến vẫn còn ăn mặc theo lối tiền triều” (Thích Đại Sán, 1963:154). Sự có mặt đông đảo

người Hoa ở Hội An vào cuối thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII cùng với người Kinh, người Chăm,... đã tạo nên một trung tâm thương mại sầm uất ở vùng Thuận - Quảng, xứng đáng là “một nơi đô hội miền biển” (Trịnh Hoài Đức, 1998: 201).

Ở Thanh Hà, mặc dù được thành lập năm 1636 nhưng lúc này Thanh Hà chưa được biết đến là một thương cảng sầm uất, phải sau năm 1658 số lượng người Hoa đến Thanh Hà lập phố buôn bán ngày càng đông do chính sách của chúa Nguyễn Phúc Tần “thi ân cho lập phố tại đất đồn thổ thuộc làng Thanh Hà và Địa Linh là 1 mẫu 2 sào 5 thước 4 tấc” (Đỗ Bang, 1996: 97) thì nơi đây mới dần trở thành một thương cảng tập nập thuyền qua lại và được biết đến là *Đại Minh khách phố* tức phố của người Hoa. Năm 1700 phố cảng Thanh Hà được các Hoa thương xây dựng lại khang trang với những khu phố lợp ngói để tránh hỏa hoạn. Khu phố này bao gồm các cửa hàng, cửa hiệu, các đại lý xuất nhập khẩu và những nhà cho thuê dành cho thương khách ở xa giữa hai mùa mậu dịch.

Ở Bình Định, cùng với địa điểm đầu tiên là cảng thị Nước Mặn, người Hoa đã lần lượt đến nhập cư, sinh sống ở nhiều địa phương khác. Nhiều thị tứ, thị trấn mới trong tỉnh lần lượt ra đời cùng với quá trình định cư và buôn bán của người Hoa như Gò Bồi, An Thái, Đập Đá, Gò Găng, Bình Định và cảng thị Quy Nhơn. Ngoài cửa Kê Thử, họ còn vào cửa Đê Ghi (Phù Cát) lập Trà Quang Phố, vào cửa Kim Bồng (Bồng Sơn) lập Hòa Quang Phố,... (Nguyễn Văn Đăng, 2011: 33). Cũng trong thời gian này, còn có những nhóm vài ba chục hoặc một vài trăm người đến buôn bán ở khắp trong tỉnh. Họ ở lại lập nghiệp, tạo thành những làng Minh Hương.

Thứ hai là vai trò của người Hoa trong Tàu vụ ty¹: Nhận thấy vai trò trọng yếu của các bến cảng, các chúa Nguyễn đã xây dựng ở đây một bộ máy quản lý thương mại nhằm đảm bảo an ninh và hoạt động của ngoại thương. Dưới quyền viên quan Trấn thủ là cơ quan ngoại thương Tàu vụ ty. Cơ quan Tàu vụ ty được coi như một thiết chế trọng yếu trong hệ thống chính quyền, nó không chỉ là bộ máy thu thuế ở các cảng thị mà người đứng đầu cơ quan này còn là người đại diện cho chính quyền giải quyết các vấn đề đối ngoại. Các chức quan trong Tàu vụ ty phải là người thông hiểu tiếng nước ngoài, có khả năng xem xét, định giá sản phẩm và đánh giá thuyền và các thương nhân trước khi cho phép họ được vào buôn bán tại Đàng Trong. Cơ quan này có 185 người, phiên chế như sau: Cai tàu: 1 người, Tri tàu: 1 người, Cai bạ tàu 2 người, Cai phủ tàu: 2 người, Ký lục tàu: 2 người, Tấn thủ súng binh: 60 người, 4 đội lính tàu: 70 người, thông sự: 7 người (Lê Quý Đôn, 1977: 290). Cách thức quản lý của cơ quan này được Lê Quý Đôn cho biết như sau: "Lệ tàu vụ của họ Nguyễn hàng năm cứ tháng Giêng thì các viên cai bạ, lệnh sử, cai phủ, ký lục của Tàu ty đều vào phố Hội An - xứ Quảng Nam, chia sai những người thuộc quân thông hiểu tiếng nước ngoài đi canh giữ Cù Lao Chiêm và cửa Đà Nẵng (tức Cửa Hàn), thấy có tàu buôn các nước đến đây thì phải xét hỏi tất cả quả là tàu buôn chịu thuế thì đem thuyền trưởng và tài phó tàu ấy vào phố Hội An, trình quan cai bạ xét thực khai lên và trình quan cai tàu để truyền cho tuần ty đem dân phụ lữ đến hộ tổng tàu ấy vào cửa đậu ở sở tuần" (Lê Quý Đôn, 1977: 232).

Trong cơ quan Tàu vụ ty thì chức Cai tàu được xem là một chức quan quan trọng. Mặc dù Lê Quý Đôn không nói rõ những chức này do người Trung Quốc đảm nhận, nhưng có thể suy đoán đa số các thương nhân người Hoa giữ chức vụ này, vì họ có kinh nghiệm trong buôn bán, hơn nữa các thuyền buôn đến Đàng Trong chủ yếu là thuyền Trung Quốc hoặc những thuyền ngoại quốc đã từng quen buôn bán với thương nhân Trung Quốc nên họ hiểu và dễ dàng đàm phán. Chu Thuần Thủy- một Nho sĩ nhà Minh không thần phục nhà Thanh đã sang Đàng Trong lánh nạn trong khoảng thời gian từ 1646 đến 1658. Trong cuốn hồi ký *An Nam cung dịch ký sự* viết năm 1657 ông đã cho biết rõ “Cai Tàu là người cai quản những người Trung Hoa và coi xem những việc tàu bè, tức Cai Bạ” (Chu Thuần Thủy, 1999: 29). Để cai quản được số lượng người đông đảo này, không

¹ Tàu vụ ty: bộ máy trông coi ngoại thương.

ai khác là những người Hoa được các chúa Nguyễn tín nhiệm và giao cho trọng trách quan trọng này. Trong gia phả tộc Châu ở Hội An hiện đang lưu giữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An cho biết “Ban Thương tàu thuế vụ dùng nhân viên phần đông là người Minh Hương làm chức Cai phủ tàu, Ký lục tàu, Tri bộ tàu và thông ngôn... hiệp tòng với quan lại ở Trấn để kiểm soát tàu bè ngoại quốc và đánh thuế” (Châu Mỹ Xuyên: 29). Những người đảm nhiệm chức vụ này được chính quyền miễn các việc phục dịch, sưu sai, tuần dò, quét chợ và được ưu tiên hơn trong việc mua bán hàng hóa, nên nhiều người xem đây là một nghề dễ kiếm tiền và mang lại nhiều lợi ích.

Trong số những người sáng lập ra làng Minh Hương có không ít người giữ các chức vụ trong chính quyền chúa Nguyễn, trong đó có chức Cai Tàu. Chẳng hạn Khổng Thái lão gia tức Khổng Thiên Như là một trong 10 vị tiên hiền sáng lập ra Minh Hương xã ở Hội An trong khoảng thời gian từ 1645 đến 1653, ông đã từng giữ chức Cai Phủ tàu. Trong từ đường của dòng họ tại Hội An ngoài bài vị còn có một đạo dụ của Minh Vương (chúa Nguyễn Phúc Chu) ban cho Khổng Thiên Như có đoạn: “Khâm tứ Cai Phủ Tàu Trung Lương hầu cựu soát chư quốc các tàu kiêm quản cựu tân khách thương đặng viên nhân” (Chen Ching Ho, 1960: 22). Điều đó cho thấy chức vụ mà Khổng Thiên Như đảm nhận khi còn sống là Cai phủ tàu. Nhiệm vụ của chức quan này là kiêm quản các thương khách cùng nhân viên từ xưa ở lại hoặc mới tới Hội An.

Ngoài Khổng Thiên Như còn có Chu Kỳ Sơn cũng là một trong thập lão gia ở làng Minh Hương cũng giữ chức Cai Phủ tàu cùng thời với Khổng Thiên Như.

Ngay cả khi đến thời Tây Sơn, chức cai bạ tàu, cai phủ tàu vẫn chủ yếu do người Hoa nắm giữ. Trong bản tâu năm 1788 của hai viên quan Quảng Nam trình lên nhà Tây Sơn có chép rõ: chức Cai bạ tri tàu vụ Lộ tiến hầu Hứa Hiến Thủy; Cai cơ Thuận miên hầu Trương Thuận Đức; Khâm sai cai đội Tri lễ hầu Thái Tri Lễ, Cai phủ tàu Tài đức bác Trương Kính Tài (Chen Ching Ho, 1960: 140).

Sự có mặt đông đảo người Hoa trong Tàu vụ ty đã khiến các thương nhân phương Tây cho rằng “Đại đa số công chức (của chính phủ Cochinchina) là con cháu của nạn dân Trung Quốc chạy loạn qua đây từ hồi đại lục bị người Thanh chiếm cứ” (Phan Du, 1974: 169). Điều này được thể hiện rõ hơn trong tư liệu Hán nôm còn lưu giữ tại Hội An. Trong tờ trình của xã Minh Hương ngày 29 tháng 4 năm Cảnh Hưng thứ 20 (1759) cho biết: “Từ trước đến nay hễ các tàu buôn đến các phủ trong tỉnh có lệ cho bốn xã chúng tôi cùng quan sai tàu ứng hầu các việc ở các tàu: thông ngôn, xem xét các hàng hóa và cân lượng, định giá, cùng viên thông ngôn quan của doanh Quảng Nam định giá tài sản, như tàu đến cửa biển Đại Chiêm, vào Trà Nhiêu thì hai xã Cẩm Phô và Hội An phải canh giữ, còn như đến các địa phương khác thì địa phương đó canh giữ cho nên có lệnh chức miễn các việc cùng các sưu dịch từ ngày xưa đến nay đã thành quy lệ” (Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An, 2017: 99).

Không chỉ các chúa Nguyễn, mà các chính quyền sau này vẫn tiếp tục cho phép người Hoa được duy trì những công việc trong Tàu vụ ty, tức là vẫn nắm giữ vai trò thông ngôn, định giá và nghiêm xét tàu thuyền. Trong bản tâu do các hương chức Minh Hương xã Hội An tâu triều đình nhà Lê vào khoảng tháng 2 năm Cảnh Hưng thứ 39 (1778) cho biết rõ những đặc ân mà các chúa Nguyễn đã ban cho làng Minh Hương và vai trò của họ trong hoạt động thương nghiệp tại các thương cảng “Nguyên ông cha chúng tôi qua quý quốc buôn bán trước ở tận mắt khắp các phủ, sau mới quy tụ lại lập thành Minh Hương xã. Chúng tôi chịu trách nhiệm nghiêm xét cân lượng cùng giá hàng các tàu buôn và làm thông ngôn cho tàu các nước” (Chen Ching Ho, 1962: 14,15). Bản tâu này được phê chuẩn cho tiếp tục làm những công việc và hưởng quyền lợi như cũ.

Các chúa Nguyễn đã khéo léo sử dụng người Hoa trong việc quản lý thương nhân tại các thương cảng, và cho họ được hưởng những quyền lợi nhất định đã giúp chính quyền Đàng Trong không chỉ quản lý người Hoa một cách dễ dàng mà còn khiến họ phát huy được vai trò, sở trường của mình

trong phát triển kinh tế thương nghiệp. Nhờ đó, nguồn thu hàng năm cho chính quyền chúa Nguyễn từ thuế tàu vụ và các khoản biếu tặng của các thương nhân là không hề nhỏ. Chẳng hạn riêng tiền thuế của tàu buôn các nước đến Hội An năm Tân Mão (1711) là 30.800 quan, năm Nhâm Thìn (1712) là 1 vạn 4.300 quan, năm Quý Tỵ (1713) là 13.200 quan (Lê Quý Đôn, 1977: 232).

3. Vai trò của người Hoa trong hoạt động thương mại nội địa

Trong công trình nghiên cứu về mô hình kinh tế hậu Champa, Andrew Hardy đã cho rằng cùng với thương nhân người Kinh, người Thượng, thì thương nhân người Hoa là một trong ba nhân tố chủ chốt trong các dịp thương mại nội địa giữa miền xuôi với miền ngược, nối kết các vùng đồng bằng và cửa biển với miền thượng lưu (Andrew Hardy, 2008: 55-65). Tại các Nguồn², thương nhân người Hoa thường đưa những thuyền lớn đến thu mua những mặt hàng lâm thổ sản địa phương như quế, trầm hương, hồ tiêu, cau, gỗ,... Theo đó, hàng hóa được các thương nhân miền thượng (chủ yếu là cư dân Champa) đưa đến các nơi tập kết, tại đây các thương lái người Việt đưa xuống các vùng đầu nguồn, các chợ ven sông và người Hoa thu mua với số lượng lớn chở về cảng thị. Cũng có khi các Hoa thương trực tiếp mua gỗ của người Thượng và đem xuống bờ biển để bán (Li Tana, 1999: 176).

Trong các hoạt động thương mại nội địa vùng Thuận - Quảng, các thương lái người Hoa nắm rõ hơn ai hết nơi nào được mùa, mất mùa, nơi nào có những sản vật bán được giá cao để đến thu mua trực tiếp hoặc cung cấp những hàng hóa mà địa phương đó cần.

Các tàu buôn lớn của Trung Quốc, Nhật Bản hay phương Tây khi đến Đàng Trong chủ yếu đi vào Hội An vì nơi đây hàng hóa ở khắp các vùng miền trong vùng Thuận - Quảng “đường thủy, đường bộ, đi thuyền đi ngựa đều hội tập ở phố Hội An cả”,... hàng hóa nhiều đến mức “đù trăm chiếc tàu to chở cùng một lúc cũng không hết được” (Lê Quý Đôn, 1977: 234). Trong khi tầng lớp quý tộc lại sống chủ yếu ở vùng Thuận Hóa, vì thế các thương nhân người Hoa đã tận dụng được lợi thế của mình khi đảm nhiệm các chức vụ ở cảng thị Hội An và có số lượng tàu thuyền lớn để có thể mua được hàng hóa của vùng Thuận - Quảng với giá hời và trực tiếp mua hàng của thuyền buôn các nước để chở đến các phố cảng và các chợ địa phương để bán. Hàng năm, một khối lượng lớn hàng hóa được người Hoa đưa đến phố cảng Thanh Hà để phục vụ cho tầng lớp quý tộc, quan lại như gấm vóc, len dạ, đồ sứ, đồ sành, giấy, tranh, chè,... đến những mặt hàng cho tầng lớp bình dân như đồng trắng, vải mịn, chỉ, giấy,... Những mặt hàng này đem lại lợi nhuận lớn cho các Hoa thương. Lê Quý Đôn cho biết “Phố Hội An xứ Quảng Nam, nổi đồng, mâm đồng do tàu Tây phương chở đến bán, bình thời kể có hàng nghìn hàng vạn, người Bắc khách lại buôn về phố Thanh Hà, thường được lời gấp đôi” (Lê Quý Đôn, 1977: 326). J.Koffler (một ngự y trong chính quyền chúa Nguyễn) ghi nhận hàng năm có khoảng 80 chiếc thuyền của Hoa thương từ các tỉnh đến đó (tức Thanh Hà) chắc chắn chứng tỏ rằng ở đây có nền kinh doanh phồn thịnh (Đỗ Bang, 1996: 119).

Không chỉ chở hàng hóa giữa Hội An và Thanh Hà mà các thương nhân người Hoa còn hoạt động tích cực bằng thuyền buôn đưa gạo từ Gia Định đến bán ở Thuận Hóa và mua hàng hóa (chủ yếu là các mặt hàng tiêu dùng như quần áo, vải, các sản phẩm thủ công và các mặt hàng đến từ các nước) về Gia Định. Lê Quý Đôn cho biết “(Dân Gia Định) Bình thời chỉ bán (thóc gạo) ra Phú Xuân để đổi lấy hàng Bắc, lụa lĩnh, trầu đoạn, áo quần tốt đẹp” (Lê Quý Đôn, 1977: 345). Việc buôn bán gạo từ Gia Định ra Thuận Hóa phải đến nửa cuối thế kỷ XVIII mới diễn ra, nhưng hoạt động buôn bán gạo ở Thuận Hóa được các thương nhân Hoa kiều đảm nhận từ thế kỷ XVII, khi mà họ buôn gạo từ Xiêm đến bán cho Thuận Hóa trong những năm mất mùa (Li Tana, 1999: 123).

² Nguồn có 3 chức năng chính: trước hết đó là một cái chợ, nối bằng đường sông xuống đồng bằng và bằng đường mòn lên miền núi. Thứ hai, là địa điểm đánh thuế hàng hóa, nơi đây có sự hiện diện của quân đội. Cuối cùng đây là một đơn vị hành chính, gần tương đương với một tổng ở đồng bằng (Andrew Hardy, 2008: 55-65).

Trong khi việc mua bán các sản vật ở địa phương đặt dưới sự kiểm soát khắt khe của chính quyền chúa Nguyễn đối với thương nhân châu Âu, không cho họ được tiếp xúc trực tiếp với người sản xuất, nhưng với người Hoa thì việc gặp gỡ các dân quê lại hết sức dễ dàng. Những ưu đãi mà các chúa Nguyễn dành cho người Hoa đã khiến họ có thể đi sâu vào thị trường nội địa, trực tiếp buôn bán tại các địa phương nơi có nguồn hàng hóa bán được với giá cao. Các thương nhân người Hoa nắm rất rõ các loại hàng hóa và đường đi ở các địa phương, nên nơi đâu có sản vật gì bán được với giá đắt đỏ đều do người Hoa nắm giữ. Một thương nhân người Quảng Đông thường xuyên buôn bán ở các địa phương Đàng Trong đã cho biết: đi từ Quảng Châu (Trung Quốc) sang Thuận Hóa chỉ mất ba ngày ba đêm, có thể vào cửa Eo để đến Thanh Hà, vào cửa Đại Chiêm đến Hội An. Đến Quảng Nam thì các hàng không món gì là không có. Phàm các hóa vật sản xuất ở các phủ Điện Bàn, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Bình Khang và dinh Nha Trang đều theo đường bộ, đường biển về phố Hội An cả (Lê Quý Đôn, 1977: 234). Từ đây các thương nhân người Hoa bao mua với số lượng lớn hàng hóa của vùng Thuận – Quảng để chuyển về nước hoặc bán lại cho thuyền buôn phương Tây, hay vận chuyển đến Nhật Bản. Những mặt hàng được thương nhân người Hoa ưa chuộng đó là: cau, hồ tiêu, đậu khấu, tô mộc (gỗ vang), hạt sa nhân, thảo quả, ô mộc (gỗ mun), hồng mộc, hoa lê mộc (gỗ trắc), tê giác, yến sào, gân hươu, vây cá, tôm khô, rau biển, ốc hương, đồi mồi, ngà voi, đường phèn, đường trắng, và các loại thuốc nam. Các sản phẩm buôn được giá cao như nhục quế, trầm hương, kỳ nam hương, vàng, tơ lụa (Lê Quý Đôn, 1977: 234,235). Trong đó, có những sản phẩm dường như người Hoa nắm độc quyền mua bán tại các địa phương hay tại các thương cảng như Hồ tiêu, quế. Chúa Nguyễn đã từng có quy định, riêng đối với mặt hàng hồ tiêu ở Thuận Hóa hàng năm cho người bao mua, chở về Thanh Hà bán cho khách Tàu, không cho dân địa phương bán riêng (Lê Quý Đôn, 1977: 322). Cau cũng là sản phẩm được các Hoa thương đến tận nơi thu mua số lượng lớn với giá thấp về bán Quảng Đông được lời không ít.

Các thương nhân người Hoa không chỉ đến các địa phương thu mua những mặt hàng mà Trung Quốc hay các nước khác cần và bán được với giá cao, mà còn mang đến những sản phẩm được thị trường ưa chuộng với lãi suất cao và được giảm thuế vì đó là những mặt hàng chính quyền Đàng Trong cần mua. Những mặt hàng họ mang đến Đàng Trong để trao đổi gồm có: "sa, đoạn, gấm, vóc, các vị thuốc Bắc, giấy vàng bạc, hương vòng, các thứ đồ giấy, kim tuyến, ngân tuyến, các thứ phẩm, y phục, giấy, tăt, nhung, đơ ra, kính, pha lê, quạt, giấy, bút mực, kim, cúc áo, các thứ bàn ghế, các thứ đèn lồng, các thứ đồ đồng, các thứ đồ sứ, đồ sành. Đồ ăn uống, hoa quả thì các loại như lá chè, cam, chanh, lê, táo, hồng, bánh, miến, bột mỳ, trám muối, đầu thái (bắp cải), trứng muối, tương gừng, tương ngọt, đậu phụ, rau kim châm, mộc nhĩ, nấm hương" (Lê Quý Đôn, 1977:235). Các mặt hàng này được chính các Hoa thương đưa đến bán tại các thương cảng và các chợ. Họ có mặt ở hầu khắp các chợ ở vùng Thuận Hóa, Quảng Nam, dọc theo các con sông, từ vùng đầu nguồn đến các thương cảng, đâu đâu cũng thấy có mặt của các Hoa thương.

Người Hoa ban đầu đến sinh sống tại Hội An là chủ yếu, sau đó họ lan tỏa đi khắp nơi trong vùng Thuận Quảng. Họ có mặt ở các chợ đầu mối từ nguồn đến biển, các thị tứ, thị trấn như Thúy Loan, Ái Nghĩa, Hà Nha, Phú Thuận, Vĩnh Điện, Chợ Đước, Trung Phước, Việt An, Tam Kỳ, Tiên Phước, Trà My, Phước Sơn, Bến Ván,... Theo sổ đình năm 1788, riêng tại Quảng Nam người Minh Hương có mặt tại 5 huyện, 213 thôn, xã, thuộc rải từ miền núi đến đồng bằng, tạo thành một mạng lưới buôn bán tại địa phương Quảng Nam (Trần Văn An, Nguyễn Chí Trung, Trần Ánh, 2005: 57). Các bia mộ người Hoa ở thị trấn Trà My cho thấy người Hoa đã đến đây làm ăn buôn bán từ rất sớm (khoảng thế kỷ XVIII), họ chủ yếu thu mua quế trong vùng để bán lại cho thuyền buôn các nước (Thạch Phương, Nguyễn Đình An, 2010:813). Người Minh Hương đã thành lập những tổ chức chuyên khai thác, chế biến mặt hàng này gọi là “Quế tượng ban” để

chuẩn bị hàng cho các tàu buôn khi đến mùa mậu dịch. Hoạt động nhộn nhịp của nghề quế ở Hội An được phản ánh trong bài thơ *Chúng thương phiến quế* như sau: “Bát nguyệt quế hoa mãn yên hương/ Lữ nhơn phân chiết cấp mang mang/ Niên niên sỏ xuất vô sa số/ Khứ tận hoàn lại phiến quá dương” (dịch nghĩa: *Tháng tám mùi quế thơm ngát cả hàng buôn/ Nhiều người cắt, sửa rất rộn ràng/ Mỗi năm xuất cảng không biết là bao nhiêu/ Bán xong trở lại mua chở ra biển mà đi*) (Trần Văn An và cộng sự, 2005: 64) (Bảng 1).

Bảng 1: Số liệu xuất khẩu quế ở vùng Thuận - Quảng của tàu Tiêu Tiến Mậu năm 1822

Ngày tháng	Loại hàng	Số lượng	Trọng lượng	Giá/tạ	Tổng số tiền	Thuế nộp
13/6	Quế hạng I	1 giỏ	8 yến 2 cân	440 quan	360 quan 8 tiền	18 quan 24 đồng
13/6	Quế hạng III	11 giỏ	10 tạ 2 cân	170 quan	1.708 quan 5 tiền	85 quan 4 tiền 15 đồng
nt	Quế đầu tạ	50 giỏ	48 tạ 1 yến	70 quan	3.367 quan	168 quan 3 tiền 30 đồng
nt	Quế tạ	6 giỏ	5 tạ 7 yến 6 cân	30 quan	172 quan 8 tiền	8 quan 6 tiền 24 đồng
23/6	Quế hạng II	2 giỏ	1 tạ 2 yến 5 cân	280 quan	350 quan	17 quan 5 tiền
nt	Quế hạng III	10 giỏ	8 tạ 5 yến 4 cân	170 quan	1.451 quan 8 tiền	72 quan 5 tiền 54 đồng
nt	Quế đầu tạ	96 giỏ	86 tạ 4 yến 6 cân		6.052 quan 2 tiền	302 quan 6 tiền 6 đồng
nt	Quế tạ	14 giỏ	13 tạ 1 cân		390 quan 3 tiền	19 quan 5 tiền 9 đồng

Nguồn: Trần Văn An và cộng sự, 2005: 65

Đọc theo sông Thu Bồn (Quảng Nam), sông Trà Khúc, Trà Bồng (Quảng Ngãi) một số lượng lớn các mặt hàng nông - lâm sản được mua bán mang lại giá trị cao là đường phôi, đường phèn, đường cát và cau là những mặt hàng được các Hoa thương hết sức săn đón. Vì thế, các Hoa thương hầu như có mặt trên khắp các chợ, các con đường thương mại đường sông ở vùng Thuận - Quảng, với những tàu thuyền chằng chịt và nguồn vốn lớn, họ giương như nắm giữ chính trong các hoạt động thu mua và bán hàng hóa ở vùng Thuận - Quảng. Hoạt động buôn bán của các Hoa thương đã góp phần không nhỏ cho hoạt động giao thương nhộn nhịp, lưu thông hàng hóa tấp nập ở Đàng Trong từ thành thị, bến cảng đến nông thôn và các vùng đầu nguồn, kích thích quá trình sản xuất hàng hóa ở các địa phương và đóng góp một phần quan trọng tiền thuế cho chính quyền Đàng Trong.

Không chỉ ở Hội An, hay phố cảng Thanh Hà, người Hoa còn mở rộng mạng lưới thương mại đến hầu khắp các vùng xứ Quảng. Chẳng hạn, ở Khánh Hòa nhiều chợ ven sông được hình thành vào cuối thế kỷ XVIII với sự góp sức của người Hoa và người Việt như chợ Mỹ Hiệp, chợ Tân Mỹ, chợ Mới (Vĩnh Diêm),... trong đó chợ Mới (Vĩnh Diêm) đã trở thành một thương cảng lớn và là một trung tâm thương mại của tỉnh Khánh Hòa lúc bấy giờ. Từ đây, hoạt động buôn bán giữa các địa phương trong tỉnh và các thuyền buôn ra Hội An, vào Nước Mặn và các địa phương khác trong vùng trở nên tấp nập (Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, 2003: 277).

Một số lượng lớn thương nhân người Hoa từ Hội An còn di cư đến Bình Định tạo nên một mạng lưới thương mại rất khăng khít. Gia phả của tộc Châu (người Minh Hương) ở Hội An cho biết “Con cả là ông Bá Tụ, ông đi xem tình hình mua bán ở các tỉnh, đến Tân Quang thuộc tỉnh Bình Định gặp anh em quen biết ở rất đông nên ông có ý định lưu cư ở đó mà kinh doanh. Ông thấy trong anh

em có vợ đều là An Nam để dễ sự mua bán nên ông có coi được một người con gái họ Vu cũng là người Tàu nhập tịch Minh Hương biết mua bán, tính tình hiền hậu,... ông về lại nhà bà cố xin cưới người đó và ở luôn đó mua bán làm ăn để liên lạc hàng thổ sản như dừa trái, dầu dừa, giầy chạc về Hội An bán lại là một chỗ dễ làm ăn...” (Châu Mỹ Xuyên: 29).

Sự góp mặt thường xuyên và đông đảo người Hoa ở các thương cảng, các cảng thị hay các chợ ở vùng Thuận Quảng trong thế kỷ XVII đã được C.Borri ghi nhận, họ “là những người làm thương mại chính yếu ở xứ Đàng Trong” (Cristophoro Borri, 2014: 89). Và hầu hết thương nhân châu Âu hay thương nhân Nhật Bản và các nước châu Á khác khi đến vùng Thuận - Quảng đều thừa nhận họ không thể địch được với các thương nhân Trung Hoa, khi mà hàng năm có ít nhất 60 thuyền buôn của thương nhân Trung Quốc đến thu gom hàng hóa ở Đàng Trong để đi bán các nơi (Trường Quốc Học, Dương Văn Huy, 2008: 39). Điều đó chứng tỏ, các thương nhân Trung Quốc có một hệ thống chân rết rất chắc chắn ở Đàng Trong, thông qua các thương nhân người Hoa sinh sống ở Thuận - Quảng là những người trực tiếp thu mua hàng hóa ở các địa phương mà các thuyền buôn này dù rất lớn nhưng vẫn chờ đầy ắp hàng hóa.

4. Kết luận

Chính quyền chúa Nguyễn đã mở ra một thời kỳ mới cho Đại Việt nói chung và Đàng Trong nói riêng về một giai đoạn phát triển cường thịnh cả về phạm vi lãnh thổ và sự hưng khởi kinh tế. Có được những thành quả đó là ở chính sách trọng dụng nguồn nhân lực của chính quyền Đàng Trong. Đó không chỉ là người Kinh, người Chăm (những cư dân bản địa) mà còn có cả người Hoa (một lực lượng mới được phép nhập cư chính thức vào Đàng Trong và trở thành một lực lượng mạnh mẽ trong sản xuất, kinh doanh ở Đàng Trong). Chính quyền chúa Nguyễn đã khá nhạy bén và sáng suốt trong chính sách phát triển nội - ngoại thương, đã thúc đẩy nhanh chóng quá hội nhập với nền thương mại đang phát triển trên thế giới và khu vực.

Quá trình phát triển của vùng Thuận - Quảng thế kỷ XVII - XVIII luôn gắn liền với hoạt động kinh tế của người Hoa, đó không chỉ là sự hình thành các làng Minh Hương với những hoạt động sản xuất, buôn bán và sinh hoạt văn hóa tại các làng, các địa phương mà đó còn là sự ra đời của các chợ, các trung tâm thương mại, các thị trấn, thị tứ nối kết hoạt động sản xuất và buôn bán khắp vùng Thuận Quảng. Thương nhân người Hoa đã giúp các chúa Nguyễn quản lý tốt hoạt động buôn bán tại các thương cảng, đem lại nguồn thu thuế không nhỏ cho chính quyền Đàng Trong. Không những thế, người Hoa còn có mặt ở khắp các chợ, các tuyến thương mại ở Thuận - Quảng để thu mua hàng hóa với số lượng lớn. Điều này đã kích thích và tạo đà cho sự phát triển toàn diện của nền kinh tế Thuận- Quảng. Đó không chỉ là nghề nông nghiệp sản xuất thuần túy phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng với lúa gạo là chính, mà đã làm thay đổi tư duy và phương thức sản xuất của người dân. Nhiều vùng cây lúa đã được thay thế bởi những cây trồng mang lại giá trị kinh tế cao hơn như hồ tiêu, mía (để sản xuất đường), quế, phục vụ cho xuất khẩu. Các làng nghề thủ công cũng hoạt động dạt dào như hết năng suất và trở nên chuyên biệt mới đủ hàng cho những đơn đặt trước, hàng loạt các làng dệt, làng sản xuất gốm ở vùng Thuận Hóa và Quảng Nam phát triển nhanh chóng.

Tuy nhiên, sự có mặt của các Hoa thương ở vùng Thuận - Quảng cũng có những hạn chế nhất định. Họ chi phối đường như toàn bộ hoạt động buôn bán ở vùng Thuận - Quảng cả ở vùng đầu nguồn đến các thương cảng. Điều đó đã hạn chế sự phát triển của thương nhân trong nước và không tạo nên sự phát triển bền vững của nền kinh tế trong vùng. Tức là các ngành nghề dù đã phát triển đến mức chuyên biệt nhưng còn phụ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn và đơn đặt hàng của các Hoa thương, khi lực lượng này thay đổi hướng đi của các thuyền buôn thì cũng kéo theo sự suy tàn của các ngành nghề và các trung tâm thương mại. Sự suy tàn của các phố cảng vùng Thuận - Quảng ở thế kỷ XVIII và sự hưng khởi các trung tâm thương mại ở Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ thế kỷ XIX đã cho thấy điều đó.

Hiện nay, cộng đồng người Hoa chủ yếu sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh Nam Bộ. Họ vẫn đóng vai trò không nhỏ trong sự phát triển kinh tế thương nghiệp, song người Hoa không còn giữ vị trí trọng yếu mang tính chi phối ở thị trường nội địa như thế kỷ XVII - XVIII.

Tài liệu tham khảo

- Andrew Hardy. (2008). “Nguồn” trong kinh tế hàng hóa ở Đàng Trong, trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*. Nxb. Thế giới.
- Cristophoro Borri. (2014). *Xứ Đàng Trong năm 1621*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chen Ching Ho. (1960). Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An, trong *Việt Nam khảo cổ tập san*. Bộ Quốc gia Giáo dục. Sài Gòn. Số 1.
- Chen Ching Ho. (1962). Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An, trong *Việt Nam khảo cổ tập san*, Bộ Quốc gia Giáo dục. Sài Gòn. Số 3.
- (Chen Chingho). (1969). Phố người Đường và thương nghiệp ở Hội An thế kỷ XVII - XVIII. *Học báo Tân Á*. Số 1, quyển 3.
- Chu Thuần Thủy. (1999). *An Nam cung dịch ký sự* (Ký sự đến Việt Nam năm 1657), bản dịch của Vĩnh Sinh. Hội Khoa học lịch sử Việt Nam. Hà Nội.
- Châu Thị Hải. (1990). Những hoạt động buôn bán của người Hoa ở Việt Nam từ thế kỷ XVII đến XIX. *Tạp chí Kinh tế*. Số 1.
- Châu Mỹ Xuyên, *Gia phả tộc Châu*, Bản photo tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An.
- Đỗ Bang. (1996). *Phố cảng vùng Thuận Quảng (Hội An, Thanh Hà, Nước Mặn) thế kỷ XVII - XVIII*. Nxb. Thuận Hóa, Hội khoa học Lịch sử Việt Nam.
- Huỳnh Ngọc Đáng (2005), *Chính sách của các vương triều Việt Nam đối với người Hoa*. [Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh].
- Lê Quý Đôn. (1977). *Phủ biên tạp lục*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Li Tana. (1999). *Xứ Đàng Trong, Lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*. Nxb. Trẻ.
- Nguyễn Văn Bình. (2010). Hoạt động kinh tế của người Hoa ở Hội An thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*. Số 7.
- Nguyễn Văn Đăng. (2011). Vài nhận xét về tổ chức cộng đồng người Hoa ở Nam Trung Bộ (các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên), *Tạp chí Khoa học*, Đại học Huế. Số 66.
- Phan Du. (1974). *Quảng Nam qua các thời đại*, Quyền thượng, Cổ học tùng thư, Đà Nẵng.
- Phan Khoang. (1969). *Việt sử Xứ Đàng Trong (1558-1777)*. Nhà sách Khai Trí.
- Tường Quốc Học, Dương Văn Huy. (2008). Đàng Trong Việt Nam trong tuyến thương mại Trung Quốc - Nhật Bản từ 1635 - 1771: Nhìn từ góc độ hoạt động thương mại của các hoa thương. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*. Số 5.
- Trần Văn An, Nguyễn Chí Trung, Trần Ánh (2005). *Xã Minh Hương với thương cảng Hội An thế kỷ XVII - XIX*. Trung tâm Bảo tồn Di sản - Di tích Quảng Nam.
- Trịnh Hoài Đức. (1998). *Gia Định thành thông chí*. Nxb Giáo dục.
- Thạch Phương, Nguyễn Đình An (chủ biên, 2010). *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Thích Đại Sán. (1963). *Hải Ngoại ký sự*, bản dịch của Viện Đại học Huế.
- Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An. (2017). *Di sản Hán Nôm Hội An*. t.3 (tư liệu xã Minh Hương, quyển 1: Tờ truyền, Trát văn và Trình, Bẩm). Nxb. Đà Nẵng.
- Thomas Bowyear. (2001). Những người châu Âu đã thấy Huế xưa, trong *Những người bạn Cổ đô Huế*, 1920. Nxb. Thuận Hóa.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. (2003). *Địa chí Khánh Hòa*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.